

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2025
V/v Tranh chấp Ly hôn,
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Thời

Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lục Quỳnh Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 60/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 08 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vi Văn T, sinh ngày 09/02/1988, nơi cư trú: Thôn B, xã Y, tỉnh Lạng Sơn. Căn cước công dân số: 020088008702, ngày cấp 18/5/2023, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh ngày 28/4/1994, nơi cư trú: Thôn B, xã Y, tỉnh Lạng Sơn. Căn cước công dân số: 020194003878, ngày cấp: Không có, nơi cấp: Không có. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/6/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Vi Văn T trình bày:

Năm 2016, anh Vi Văn T và chị Trần Thị H quen biết, tìm hiểu, yêu nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (*nay là xã Y, tỉnh Lạng*

Son) vào ngày 15/9/2016, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống ở thôn B, xã Y, tỉnh Lạng Sơn và sinh con chung vào năm 2017. Năm 2019 anh Vi Văn T đi lao động xuất khẩu ở Nhật, chị Trần Thị H ở nhà chăm con đến đầu năm 2020 thì đi làm công nhân đến 2022 thì về nhà. Do khoảng cách địa lý không có thời gian quan tâm gần gũi nhau nên giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống. Đầu năm 2025 anh Vi Văn T về nước thì chị Trần Thị H lại đi làm công nhân, không rõ ở đâu. Cách đây khoảng 1 tuần anh Vi Văn T có gọi điện cho chị Trần Thị H nói cùng đến Toà án để giải quyết việc ly hôn nhưng chị Trần Thị H nói không về được. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Vi Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Trần Thị H. Về con chung: Có 01 con chung là Vi Nhật M, sinh ngày 06/5/2017 hiện nay đang sống cùng anh Vi Văn T tại Thôn B, xã Y, tỉnh Lạng Sơn. Khi ly hôn anh Vi Văn T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị Trần Thị H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có.

Toà án đã triệu tập chị Trần Thị H đến Toà án để trình bày lời khai về các yêu cầu của nguyên đơn nhưng chị Trần Thị H không có mặt, không có ý kiến trình bày. Toà án đã thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với chị Trần Thị H.

Toà án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của đương sự. Tại Công văn số 415/UBND ngày 28/6/2025, UBND xã B, huyện V (nay là xã Y, tỉnh Lạng Sơn) cho biết: Anh Vi Văn T và chị Trần Thị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã B nay là xã Y, tỉnh Lạng Sơn ngày 15/9/2016, vợ chồng sống ly thân từ khi anh Vi Văn T đi nước ngoài năm 2020, chị Trần Thị H hiện nay không ở địa phương; vợ chồng có một con chung tên là Vi Nhật M sinh ngày 06/5/2017, đang sống cùng anh Vi Văn T. Mức thu nhập của anh Vi Văn T tại địa phương 5.000.000 đồng/ tháng, mức tối thiểu để đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập phát triển bình thường đối với độ tuổi của cháu Vi Nhật M tại địa phương là 1.500.000 đồng/tháng.

Tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 30/6/2025, cháu Vi Nhật M trình bày cháu là con đẻ của anh Vi Văn T và chị Trần Thị H, đang sống cùng bố và ông, bà nội tại xã Y, tỉnh Lạng Sơn, hiện tại mẹ Trần Thị H không sống cùng nhưng thì thoảng về thăm. Cháu có nguyện vọng sống cùng bố và ông bà nội nếu bố mẹ ly hôn.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 23/7/2025, tuy nhiên chị Trần Thị H vắng mặt, anh Vi Văn T có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án nên Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục, hướng dẫn đương sự viết tự khai, lấy lời khai đương sự, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, niêm yết văn bản tố tụng, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn nhiều lần được Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa án, không trình bày ý kiến là không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Vi Văn T, xử cho anh Vi Văn T được ly hôn chị Trần Thị H. Về con chung, giao cháu Vi Nhật M, sinh ngày 06/5/2017 cho anh Vi Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung anh Vi Văn T không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết do đương sự trình bày không có. Về án phí, buộc anh Vi Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, bị đơn cư trú tại Thôn B, xã Y, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân. Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy anh Vi Văn T và chị Trần Thị H có quen biết, yêu nhau, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 19/6/2016 tại UBND xã B, huyện V nay là xã Y, tỉnh Lạng Sơn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Nguyên đơn trình bày vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung từ khi anh Vi Văn T đi nước ngoài lao động, hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay không còn tình cảm gì với nhau. Đầu năm 2025 anh Vi Văn T về địa phương sinh sống thì chị Trần Thị H lại đi khỏi địa phương, vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau. Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng chị Trần Thị H đều không có mặt, không trình bày ý kiến, không tham gia phiên hoà giải, phiên tòa; thể hiện không còn nguyện vọng đoàn tụ, không có giải pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa anh Vi Văn T và chị Trần Thị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Vi Văn T.

[4] Về con chung: Anh Vi Văn T và chị Trần Thị H có 01 con chung tên là Vi Nhật M, sinh ngày 06/5/2017, hiện nay đang ở cùng anh Vi Văn T tại Thôn B, xã Y, tỉnh Lạng Sơn. Anh Vi Văn T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vi Nhật M cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị Trần Thị H cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Vi Nhật M từ nhỏ đến nay đều sinh sống, học tập tại Thôn B, xã Y, tỉnh Lạng Sơn, hiện nay đang sống cùng bố và được chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập đầy đủ. Cháu Vi Nhật M có nguyện vọng tiếp tục sống cùng bố khi bố mẹ ly hôn nên cần tiếp tục giao cho anh Vi Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vi Nhật M cho đến khi con đủ 18 tuổi để không làm xáo trộn cuộc sống của trẻ vị thành niên. Chị Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Vi Văn T không yêu cầu. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Không xem xét giải quyết do các đương sự trình bày không có.

[6] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh Vi Văn T là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn, nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; các Điều 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Vi Văn T được ly hôn chị Trần Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Vi Nhật M, sinh ngày 06/5/2017 cho anh Vi Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Vi Văn T

không yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết, hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Anh Vi Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận anh Vi Văn T đã nộp 300.000 đồng tiền án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003372 ngày 23 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh Lạng Sơn) đã được chuyển về tài khoản 3949.0.1054441.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn tại Kho bạc nhà nước khu vực VI – Phòng nghiệp 2.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hương